TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2024/HS-ST
Ngày: 31/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hà.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhẫm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Sinh ngày: 01/01/1982; Tại: Tỉnh Tây Ninh; Hộ khẩu thường trú: Ấp TB, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Sống lang thang, không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn B và bà: Nguyễn Thị Kim T1; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/8/2023.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Ông Lê Văn T2; Sinh năm: 1972; Thường trú: 210/6/16 đường NVL, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 743/11A đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nghĩ ông Lê Văn T2 có tiền vì thấy ông đạp xích lô chở hàng và thường được người khác cho tiền từ thiện, nên ngày 13/7/2023, Nguyễn Văn T rủ N, S

(không rõ lai lịch) đột nhập vào nhà ông T2 tại địa chỉ 743/11A đường HB, Phường F, Quận F lấy trộm tiền, cả hai đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đạp chở N chạy ngang nhà ông T2 để chỉ cho N thấy, rồi quay lại gầm cầu ÔB, Quận F gặp S để bàn bạc cách đột nhập vào nhà ông T2. Và theo như kế hoạch đã bàn trước đó, khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đạp chạy ngang nhà ông T2 quan sát thì thấy nhà khóa cửa ngoài, biết ông T2 không có ở nhà nên T gọi điện thoại báo cho N biết để N, S đột nhập vào nhà ông T2 lấy trộm tài sản. Sau đó, T ra công viên PĐH ngồi đợi. Khoảng 20 phút sau, N gọi điện báo cho T biết đã lấy được tiền, đồng thời kêu T đến gầm cầu LG, Quận F chia tiền. Tại đây, T thấy S đưa cho N 02 vỏ hộp bánh, bên trong có tiền nhiều loại mệnh giá, N lấy 01 xấp tiền có mệnh giá 100.000 đồng đưa cho T, phần còn lại N và S chia nhau. Đến S ngày 14/7/2023, T đón xe về Tây Ninh, sau khi lấy xấp tiền N đưa ra kiểm tra thì thấy tổng cộng là 15.000.000 đồng, T tiêu xài và trả nợ hết 12.000.000 đồng. Còn 3.000.000 đồng, T đổi thành tiền mệnh giá 500.000 đồng để tiện cất giữ.

Về phía ông Lê Văn T2, sau khi về phát hiện nhà bị phá khóa, kiểm tra thì thấy mất tổng cộng là 103.000.000 đồng, nên đến Công an Phường 6, Quận 6 trình báo sự việc.

Từ dữ liệu Camera an ninh, qua truy xét ngày 04/8/2023 Cơ quan điều tra Công an Quận 6 bắt giữ Nguyễn Văn T. Qua đấu tranh, T khai nhận đã cùng Nam, S thực hiện hành vi nêu trên, đồng thời giao nộp lại 3.000.000 đồng (là tiền T được Nam chia từ việc lấy trộm của ông T2).

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 111/QĐ-ĐCSHS). Ngày 09 tháng 8 năm 2023, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 124/QĐ-ĐCSHS).

Đối với những người tên N, S hiện chưa xác định được lai lịch. Cùng ngày 19/10/2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm (Thông báo số: 5751/TB-ĐCSHS và số: 5752/TB-ĐCSHS). Khi nào bắt được các đối tượng này điều tra, làm rõ giải quyết sau.

Tại Cáo trạng số: 86/CT-VKS-Q6 ngày 07 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận chính bị cáo đã cùng S, N thực hiện hành vi lấy trộm tiền của ông Lê Văn T2 vào tối ngày 13/7/2023 tại nhà số 743/11A đường HB, Phường F, Quận F. Tuy nhiên, bị cáo khai S, N là người trực tiếp đột nhập vào nhà ông T2 lấy trộm tiền và các đối tượng này lấy được bao nhiêu tiền, bị cáo hoàn toàn không biết, cũng không nghe nói. Sau khi gặp nhau tại gầm cầu LG, Quận F, bị cáo thấy S đưa cho N 02 vỏ hộp bánh bên trong có mấy xấp tiền mệnh giá 100.000 đồng (do trời tối nên bị cáo không nhìn thấy

rõ có bao nhiêu xấp), N lấy 01 xấp tiền đưa cho bị cáo, bị cáo kiểm tra thấy số tiền được chia là 15.000.000 đồng, bị cáo tiêu xài hết 12.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng, bị cáo đổi thành tiền mệnh giá 500.000 đồng và đã bị thu giữ như nội dung bản cáo trạng nêu. Do bị cáo chỉ được chia 15.000.000 đồng nên bị cáo chỉ đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường trên số tiền này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Bị hại Lê Văn T2 khai: Ngày 13/7/2023, sau khi đi làm về ông phát hiện cửa nhà bị phá khóa, ông kiểm tra thì thấy bị mất tổng cộng khoảng 103.000.000 đồng để trong 02 hộp bánh cất trong tủ. Số tiền này là của ông để dành được trong nhiều năm, ngoài ông và vợ của ông ra thì không có ai biết được ông có bao nhiêu tiền (ngay cả em gái của ông là bà Lê Thị Út H cũng không biết), nhưng vợ ông đã mất từ năm 2021, nên ông không có gì để chứng minh số tiền bị thiệt hại là 103.000.000 đồng, nhưng ông cam đoan lời khai của ông là đúng sự thật. Tại phiên tòa hôm nay, do bị cáo chỉ thừa nhận được chia 15.000.000 đồng, nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền này. Đối với số tiền còn lại, ông T2 đề nghị lúc nào cơ quan điều tra bắt được S, N làm rõ sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng T hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông Lê Văn T2 số tiền 12.000.000 đồng (sau khi cấn trừ số tiền 3.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp màu Inox (có vành bánh xe màu vàng, có giỏ phía trước).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo tay dài màu xanh đen (phía sau có dòng chữ màu vàng «CTY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG HD»); 01 đôi dép quai ngang màu đen (có chữ Asia).

Trả lại ông Lê Văn T2 số tiền 3.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tạm giữ để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

Đối với 04 USB (chứa các file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc lấy trộm tài sản tại 743/11A đường HB, Phường F, Quận F vào ngày 13/7/2023) do các ông Võ Trung H1, Nguyễn Minh T3, Phan Thanh H2, Trần Duy T4 cung cấp và 01 đĩa CD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Nguyễn Văn T), đều đã được niêm phong (BL147, 148), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T, của bị hại Lê Văn T2 tại phiên tòa với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Khám nghiệm hiện trường ngày 16/7/2023 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Sau khi thống nhất cùng nhau đột nhập vào nhà ông Lê Văn T2, địa chỉ 743/11A đường HB, Phường F, Quận F lấy trộm tiền. Khoảng 17 giờ ngày 13/7/2023, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe đạp chở N chạy ngang nhà ông T2 để chỉ cho N thấy, rồi cùng nhau quay lại gầm cầu ÔB, Quận F gặp S để bàn bạc cách đột nhập vào nhà ông T2. Và theo như kế hoạch đã bàn trước đó, khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo chạy xe đạp ngang nhà ông T2 quan sát thì thấy nhà khóa cửa ngoài, nên gọi điện thoại báo cho N biết để N, S đột nhập vào nhà ông T2 lấy trộm tài sản. Sau đó, bị cáo ra công viên PĐH ngồi đợi. Khoảng 20 phút sau, N gọi điện kêu bị cáo đến gầm cầu LG, Quận F và chia cho bị cáo 15.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông T2 là 103.000.000 đồng để truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 («tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng»), là chưa đủ căn cứ. Vì mặc dù quá trình điều tra, ông T2 khai bị mất 103.000.000 đồng, nhưng ngoài ông T2 ra, không ai biết ông có bao nhiêu tiền. Tại Biên bản làm việc ngày 17/01/2024, ông Lê Văn T2 khai: *«...ngày 13/7/2023, tôi phát hiện cửa nhà bị phá khóa, kiểm tra thì thấy tủ để tiền*

bị phá và tôi bị mất tổng cộng khoảng 103.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền bị mất là tiền tiết kiệm của tôi để dành được. Ngoài tôi ra, chỉ có vợ của tôi là người biết được nơi tôi cất tiền, tuy nhiên vợ của tôi đã mất từ năm 2021...». Tại phiên tòa, một lần nữa ông T2 xác nhận ngoài ông ra, không ai thấy hay biết ông có số tiền trên. Ngay cả em gái của ông là bà Lê Thị Út H cũng chỉ biết ông có tiền, nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu - Lời khai này của ông T2 phù hợp với lời khai của bà Lê Thị Út H tại Biên bản làm việc ngày 17/01/2024 *«...khoảng giữa năm 2021, khi đến nhà ông T2 để phụ buôn bán, tôi có thấy ông T2 lấy ra hơn 10 xấp tiền với nhiều mệnh giá khác nhau, tôi nghĩ 10 xấp tiền này có trị giá hơn 100.000.000 đồng và ông T2 nói đây là tiền ông T2 tích cóp, để dành được. Còn cụ thể, ông T2 có bao nhiêu tiền thì tôi không biết .... Do đó, tôi không biết thời điểm ông T2 bị mất tiền, ông T2 có tổng cộng bao nhiêu tiền....».* Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của bị cáo, của bị hại tại phiên tòa cho thấy S, N là người trực tiếp đột nhập vào nhà của ông T2 lấy trộm tài sản và các đối tượng này lấy được bao nhiêu tiền, bị cáo hoàn toàn không biết, cũng không nghe nói. Sau khi gặp nhau, bị cáo thấy S đưa cho N 02 vỏ hộp bánh bên trong có mấy xấp tiền mệnh giá 100.000 đồng (do trời tối nên bị cáo không nhìn thấy rõ có bao nhiêu xấp), N lấy 01 xấp tiền đưa cho bị cáo (bị cáo kiểm tra thấy số tiền được chia là 15.000.000 đồng), số tiền còn lại S, N tự chia nhau (mỗi người được chia bao nhiêu bị cáo không biết). Tuy nhiên, S và N hiện đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của những người này để làm rõ số tiền chiếm đoạt, nên không đủ cơ sở xác định số tiền mà bị cáo và đồng phạm chiếm đoạt của ông T2 là bao nhiêu, có đúng là 103.000.000 đồng hay không. Mặt khác, tại phiên tòa ông T2 cũng xác nhận không có gì để chứng minh số tiền bị thiệt hại là 103.000.000 đồng, do đó ông chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông 15.000.000 đồng mà bị cáo thừa nhận có lấy. Riêng số tiền còn lại, ông đề nghị lúc nào cơ quan điều tra bắt được S, N làm rõ sẽ yêu cầu giải quyết sau. Do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 15.000.000 đồng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử bị cáo về tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội

phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo (nhưng chưa thể hiện sự ăn năn hối cải), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của bị cáo theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Văn T còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại:

[6.1] Tại phiên tòa, ông Lê Văn T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông 15.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông T2 là có cơ sở và bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cấn trừ số tiền 3.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đang tạm giữ, còn lại bị cáo phải bồi thường cho ông T2 12.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày ông Lê Văn T2 có đơn yêu cầu T hành án mà bị cáo Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Văn T còn phải trả ông Lê Văn T2 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6.2] Đối với số tiền bị thiệt hại còn lại, ông T2 đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra bắt được S, N làm rõ sẽ yêu cầu giải quyết sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Việc xử lý vật chứng:

[7.1] Phương tiện mà bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc xe đạp màu Inox (có vành bánh xe màu vàng, có giỏ phía trước), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với 01 áo tay dài màu xanh đen, phía sau có dòng chữ màu vàng «CTY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG HD»; 01 đôi dép quai ngang màu đen, có chữ Asia (bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng vào ngày chiếm đoạt tài sản), là

vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.3] Còn số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T, là tiền bị cáo được chia từ việc chiếm đoạt tài sản, Hội đồng xét xử trả lại cho ông Lê Văn T2 theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 93/PNK ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 77/QĐ-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục T hành án dân sự Quận 6 - BL107, 127, 144, 145)

[7.4] Đối với 04 USB (chứa các file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc lấy trộm tài sản tại 743/11A đường HB, Phường F, Quận F vào ngày 13/7/2023) do các ông Võ Trung H1, Nguyễn Minh T3, Phan Thanh H2, Trần Duy T4 cung cấp và 01 đĩa CD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Nguyễn Văn T), đều đã được niêm phong (BL147, 148), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7.5] Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, bị cáo khai là điện thoại di động hiệu Mobell màu trắng của bị cáo và bị cáo đã vứt bỏ dưới chân cầu LG trước khi bị bắt, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Đối với những người tên S, tên N cùng bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 19/10/2023, Công an Quận 6 đã ra Thông báo truy tìm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào bắt được các đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông Lê Văn T2 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Lê Văn T2 có đơn yêu cầu T hành án mà bị cáo Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Văn T còn phải trả ông Lê Văn T2 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe đạp màu Inox (có vành bánh xe màu vàng, có giỏ phía trước).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo tay dài màu xanh đen (phía sau có dòng chữ màu vàng «CTY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN XÂY DỰNG HD»); 01 (một) đôi dép quai ngang màu đen (có chữ Asia).

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Lê Văn T2 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để cấn trừ tài sản bị thiệt hại.

(theo Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục T hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 107, 145)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Lê Văn T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên